TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa bà T và ông P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tiết

Ông Trần Quang Vinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 284/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1995
Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp A, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
(Bà T có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Bé T trình bày:

Bà và ông P kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Bà và ông P không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Lan P, sinh ngày 14/11/2013.

Hiện nay con chung đang ở với bà. Nếu được ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Thanh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An vào ngày 04/7/2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẩn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, bà T và ông P không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về nuôi con chung: Bà T và ông P có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Lan P, sinh ngày 14/11/2013.

Xét thấy, cháu Lan P đang sống ổn định với bà T, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung nên để bà T trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, bà T không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con nên ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Bé T và ông Nguyễn Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Lan P, sinh ngày 14/11/2013 cho bà Trần Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001069 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh